TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-PT
Ngày: 08-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Liên**;

Bà **Lê Thị Anh Đào**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Nguyễn Thị Dùng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 21/2021/KDTM-ST ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 06/2022/QĐXXPT-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên *(TNHH MTV)* Vật liệu xây dựng Đ;

Địa chỉ: Tổ 2, thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: bà Ngô Thị L, chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: ông Trần Đ, sinh năm 1974, là nhân viên Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B;

Địa chỉ: Số 26 đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Huỳnh Ngọc H, chức vụ: Trưởng Phòng nghiệp vụ, Công ty B Quảng Nam; địa chỉ: Số 02A đường T,

thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Văn M, sinh năm 1972 *(là Chủ hộ kinh doanh Bùi Văn M)*;

Địa chỉ: đường tránh N, Tổ T, Khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Ngô Đình X, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ S, thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ trình bày:

Năm 2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ *(viết tắt là Công ty Đ)* có ký hợp đồng *(Đơn bảo hiểm)* số VPE/01481247 ngày 09/4/2019, loại hợp đồng: Bảo hiểm bắt buộc và tự nguyện đối với xe ô tô tải BKS 92C-060.xx. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 10/4/2019 đến ngày 09/4/2020. Ngày 05/4/2020, xe ô tô BKS 92C-060.xx đang lưu thông trên đường thì gây tai nạn, thiệt hại vụ tai nạn làm xe ô tô BKS 92C-060.xx hư hỏng nặng; xe ô tô BKS 30A-016.xx và nhà dân bị hư hỏng, lái xe bị thương. Sau khi tai nạn xảy ra, phía Công ty đã báo cho Công an huyện T đến hiện trường và báo cho phía B đến giám định thiệt hại đối với vụ tai nạn. Sau khi có kết luận của Công an huyện T thì phía B đã bồi thường thiệt hại về dân sự xong. Tuy nhiên, thiệt hại vật chất xe ô tô BKS 92C-060.xx thì B từ chối bồi thường với lý do trường hợp tai nạn này thuộc điểm loại trừ bảo hiểm. Tuy nhiên, thời điểm xe xảy ra tai nạn vẫn còn trong hạn kiểm định, hệ thống phanh vẫn bình thường nhưng tai nạn bất ngờ, xe mất thắng ngoài sự kiểm soát của lái xe nên thiệt hại đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx phải được B bồi thường. Sau khi tai nạn xảy ra, B đã liên hệ với đơn vị sửa chữa xe liên kết để sửa chữa xe và do B từ chối bồi thường nên hiện nay xe vẫn còn nằm tại garage xe. Trong thời gian chờ lấy xe, phía Công ty Đ đã thuê xe để chở hàng với giá thuê xe 400.000 đồng/01 ngày. Theo thông tin thì tiền sửa chữa xe là 100.000.000đồng. Do Tổng Công ty Cổ phần B từ chối bồi thường nên Công ty Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx là 100.000.000 đồng và thiệt hại do phải thuê xe tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 32.000.000đồng, tiền thuê xe cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Việc B tự đưa xe và thống nhất giá sửa chữa với Garage ô tô Văn M, không thông qua Công ty Đ nên Công ty Đ hoàn toàn không biết giá và các hạng mục mà Garage Văn M đã sửa chữa. Khi Tòa án yêu cầu Công ty Đ cung cấp chứng cứ về giá tiền sửa chữa thì Công ty Đ đã liên hệ với Garage Văn M và được cung cấp Giấy thông báo nhận và bàn giao xe ô tô tải ngày 15/6/2020 và Bảng kê chi tiết sửa chữa ô tô. Trên cơ sở chứng cứ mà Công ty Đ nhận được thì

Công ty thống nhất các hạng mục, vật tư phải thay thế mà garage đã liệt kê. Tuy nhiên, Công ty Đ không thống nhất với giá sửa chữa do không biết garage đã đưa ra theo như phía bị đơn cho rằng đã đồng ý phê duyệt giá sửa chữa với garage là 93.500.000 đồng, vì Công ty Đ hoàn toàn không biết garage đã thay thế, sửa chữa những phụ tùng gì. Năm 2016, khi Công ty Đ mua xe ô tô thì đã tiến hành mua bảo hiểm của B và bảo hiểm đã mua là bảo hiểm tái tục. Khi mua thì giữa Công ty Đ và B có ký hợp đồng mua bán bảo hiểm *(do Ngân hàng yêu cầu có bảo hiểm mới cho vay)*. Khi đó, phía B có cung cấp cho Công ty Đ hợp đồng này. Ngoài ra, Công ty Đ không được B giải thích gì và cũng không nhận được bất cứ văn bản gì từ B. Công ty Đ thừa nhận đã nhận các văn bản số 101 và 112 của B về việc từ chối bồi thường; tuy nhiên, Công ty Đ không đồng ý với việc từ chối bồi thường bảo hiểm của B nên mới khởi kiện. Việc B cho rằng, trên cơ sở văn bản từ chối của B thì Công ty Đ phải có trách nhiệm lấy xe và thanh toán chi phí sửa chữa. Về việc này, Công ty Đ đã liên hệ lấy xe nhưng phía garage không đồng ý và yêu cầu phải có bảo lãnh của B thì mới cho lấy xe về và hơn nữa, xe là do B đưa vào và sửa chữa trên cơ sở chỉ định của B nên Công ty Đ không thể lấy xe về. Đến nay, xe vẫn còn ở Garage Văn M. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn; đồng thời, rút yêu cầu đối với khoản tiền thuê xe từ ngày 15/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; bổ sung yêu cầu buộc Tổng Công ty Cổ phần B thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ lúc phát sinh nghĩa vụ bảo hiểm đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần B trình bày:

B thừa nhận Công ty Đ có tham gia bảo hiểm với B và vụ tai nạn xảy ra ngày 05/4/2020 tại T còn trong thời hạn bảo hiểm. Sau khi tai nạn xảy ra, B và chủ phương tiện đã phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, B đã bồi thường xong thiệt hại dân sự. Riêng thiệt hại vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx thì B từ chối bồi thường do thuộc điểm loại trừ bảo hiểm tại khoản 2 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm, đó là: "Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tai nạn, tổn thất xe ô tô không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật vào hoạt động trên đường bộ". Việc B căn cứ vào khoản 2 Điều 17 Quy tắc bảo hiểm là dựa trên văn bản số 52/CAH-CSGT ngày 06/7/2020 của Công an huyện T, đó là: "...riêng hệ thống hãm của xe không có tác dụng". Trên cơ sở văn bản số 52/CAH-CSGT ngày 06/7/2020 của Công an huyện T, B đã mời đại diện Công ty Đ đến làm việc và đã có văn bản từ chối bồi thường đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx. Nay, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu B phải bồi thường thiệt hại vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx là 100.000.000 đồng và thiệt hại do phải thuê xe tạm tính đến ngày 15/9/2020 là 32.000.000 đồng và tiền thuê xe phát sinh cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, B không đồng ý với yêu cầu trên của Công ty Đ với các lý do như đã nêu trên và đã nêu tại Công văn số 112/2020/BMQNa, Công văn số 101/2020/BMQNa mà B đã gửi cho Công ty Đ. Khi bán bảo hiểm thì B đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ cũng như những điều

khoản trong hợp đồng và Quy tắc bảo hiểm thì trong Giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự đã thể hiện rõ quy tắc kèm theo nên người được bảo hiểm phải có trách nhiệm tìm hiểu đối với quy tắc này. Ngoài ra, B cũng đã giao quy tắc cho Công ty Đ. Sau khi tai nạn xảy ra, B cũng đã tham khảo giá sửa chữa và đã chọn Garage Văn M tại đường N, thành phố T là nơi sửa chữa cho xe ô tô BKS 92C-060.xx. Việc B đề nghị đưa xe đến Garage Văn M sửa chữa trên cơ sở đồng ý của Công ty Đ và không đồng nghĩa với việc B sẽ phải có trách nhiệm bồi thường, mà trách nhiệm của B là khi xe bị tai nạn, sẽ phối hợp với chủ xe để sửa chữa xe, còn việc thanh toán bảo hiểm hay không tùy thuộc vào kết quả giải quyết của các cơ quan liên quan. Về giá mà Garage Văn M đã sửa chữa tại Bảng kê chi tiết do Garage Văn M cung cấp thì B không có ý kiến gì. Tuy nhiên, giá sửa chữa này nếu được bồi thường còn phụ thuộc vào giá trị chiếc xe khi tham gia bảo hiểm và khấu hao của xe, mức miễn thường có khấu trừ theo đơn bảo hiểm. Trường hợp xe ô tô BKS 92C-060.xx được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện thì B không tính khấu hao. Do B không đồng ý bồi thường thiệt hại vật chất và đã gửi văn bản số 101 và 112 cho Công ty Đ nên phía Công ty Đ phải có trách nhiệm đối với xe kể từ thời điểm có văn bản từ chối. Mọi thiệt hại đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx kể từ thời điểm B có văn bản từ chối, B sẽ không chịu trách nhiệm. Từ những ý kiến trên, Tổng Công ty Cổ phần B không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn M trình bày:

Ông là người đại diện theo pháp luật của hộ kinh doanh Bùi Văn M *(có Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)*. Vào khoảng ngày 27/4/2020, ông nhận được thông tin của nhân viên Công ty B Quảng Nam báo để liên hệ với chủ xe là anh Đại *(số điện thoại 0905002743)* để đưa xe ô tô BKS 92C-060.xx về garage sửa chữa. Sau khi liên lạc được với chủ xe và được sự đồng ý của chủ xe, ông đã đưa xe cứu hộ đến Công an huyện T kéo xe về để sửa chữa. Sau khi tháo dỡ để kiểm tra thiệt hại xong, ngày 14/5/2020 ông gửi báo giá sửa chữa là 120.990.000 đồng nhưng Công ty B chỉ duyệt 94.030.000 đồng; ông không đồng ý và phản hồi lại với giá sửa chữa là 100.000.000 đồng nhưng B bảo là hồ sơ Công an chưa kết luận nên chưa xử lý và chưa thống nhất được giá sửa chữa. Tuy nhiên, do ông thường xuyên sửa chữa xe cho phía B và chờ thời gian hồ sơ của Công an lâu quá nên ông đã tiến hành sửa chữa xe với mức giá là 100.000.000 đồng. Do chủ xe là khách hàng của bảo hiểm B nên ông không gửi báo giá cũng như không tham khảo mức giá thống nhất của chủ xe để sửa chữa. Đồng thời, sau khi mang xe về garage, ông tiến hành tháo dỡ để kiểm tra thiết bị hư hỏng và các chi tiết phải sửa chữa trên cơ sở có sự chứng kiến và thống nhất của đại diện Công ty B, chứ không có ý kiến gì từ phía chủ xe cũng như sự chứng kiến của chủ xe. Sau khi sửa chữa xe xong, ông điện thoại cho nhân viên bảo hiểm B để B thông báo cho chủ xe đến lấy xe ô tô BKS 92C-060.xx về nhưng không nhận được phản hồi gì. Ngày 15/6/2020, ông làm giấy thông báo nhận và bàn giao xe ô tô gửi trực tiếp cho lái xe của Công ty Đ. Cùng ngày 15/6/2020, chủ xe đến liên hệ nhận xe, tuy nhiên chủ xe cho rằng hồ sơ trục trặc

và ra về, không đề cập gì đến việc lấy xe về và cũng không thấy phản hồi nên ông phải giữ xe từ đó đến nay. Nếu Công ty Đ muốn lấy xe về thì phải được sự đồng ý bảo lãnh của Công ty B vì chủ xe là khách hàng của B hoặc Công ty Đ phải trả tiền sửa chữa xe cho ông là 100.000.000 đồng, nhưng các điều kiện đó không xảy ra; đến nay, nếu các bên muốn lấy xe về thì phải trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng theo bảng giá mà ông đã sửa chữa.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình X trình bày:

Vào ngày 05/4/2020, ông Ngô Đình X điều khiển xe ô tô BKS 92C-060.xx chở hàng cho Công ty Đ. Trong quá trình xuất phát từ Công ty Vật liệu xây dựng Phan Nhật T đến địa điểm xảy ra tai nạn, xe vẫn hoạt động bình thường, hệ thống phanh vẫn tốt *(dừng đèn đỏ Nam Phước, Hà Lam, Trung tâm sát hạch vẫn bình thường)*. Khi đến Tân D, Bình A thì có xe ô tô 07 chỗ ngồi chạy cùng chiều, xe đó xi-nhan qua phải, không hiểu sao đột ngột dừng lại. Ông X có đạp thắng nhưng xe vẫn lao tới dẫn đến hậu quả xe hư hỏng nặng phần ca-bin, xe ô tô 07 chỗ ngồi cũng hư hỏng và sụp mái nhà của người dân.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 21/2021/KDTM-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 228, 229, 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 13, 14, 15, 18, 29, 30, 32, 40, 41, 46, 47 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2010)*; các Điều 274, 275, 398, 400, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe từ ngày 15/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; quyền khởi kiện lại của đương sự đối với phần yêu cầu khởi kiện bị đình chỉ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Đ, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"* với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B.

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Đ, số tiền 100.000.000 *(Một trăm triệu)* đồng.

Đối với toàn bộ phụ tùng bị hư hỏng của xe ô tô BKS 92C-060.xx hiện nay đang được ông Bùi Văn M tạm giữ, Tổng Công ty Cổ phần B được nhận lại sau khi thanh toán xong tiền bảo hiểm vật chất xe đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx cho nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx cho nguyên đơn số tiền 99.500.000 đồng; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền thuê xe tạm tính đến ngày 15/9/2020 với số tiền 32.000.000 đồng và thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ lúc phát sinh nghĩa vụ bảo hiểm đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo rút một phần kháng cáo đối với nội dung quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 289 và khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo mà người kháng cáo đã rút.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B thì thấy:

[2.1] Ngày 09/4/2019, Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Đ có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự và vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx theo hợp đồng ký kết số VPE/01481247 với Tổng Công ty Cổ phần B, thời hạn bảo hiểm từ ngày 10/4/2019 đến ngày 09/4/2020. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức hợp đồng đảm bảo theo quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Ngày 05/4/2020, xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe ô tô BKS 92C-060.xx và xe ô tô BKS 30A-016.xx. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, xe ô tô BKS

92C-060.xx vẫn còn trong thời hạn đăng kiểm và có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật còn hiệu lực. Sau khi tai nạn xảy ra, Công an huyện T đã tiến hành xử lý vụ tai nạn, tại mục 2 của Biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx ngày 08/4/2020 của Công an huyện T, thể hiện: "Các hệ thống an toàn kỹ thuật có tác dụng". Tuy nhiên, tại Báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 07/5/2020, Công an huyện T lại xác định nguyên nhân vụ tai nạn là do ông Ngô Đình X điều khiển xe ô tô tải có hệ thống hãm *(thắng)* không đảm bảo an toàn kỹ thuật *(hệ thống hãm bánh trước bên trái không có tác dụng)*. Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ tại Công an huyện T, thể hiện: Công an huyện T dựa trên cơ sở lời khai của lái xe, dấu vết tại hiện trường và phương tiện, xác định nguyên nhân vụ tai nạn là do hệ thống phanh *(hãm)* của xe không có tác dụng trước khi hai xe va chạm. Tại văn bản số 1196/CAH-CSGT ngày 30/9/2020 của Công an huyện T trả lời cho Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, thể hiện: "Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Công an huyện T đã tiến hành các biện pháp để xác định nguyên nhân xảy ra tai nạn, trong đó có biện pháp khám nghiệm phương tiện. Đối với xe ô tô 92C-060.xx, Công an huyện T đã kiểm tra thực tế và đánh giá mức độ đảm bảo của hệ thống phanh *(hãm)*, không tiến hành trưng cầu cơ quan chức năng để giám định về an toàn kỹ thuật của hệ thống phanh *(hãm)* của xe ô tô 92C-060.xx". Như vậy, biên bản khám nghiệm phương tiện và Báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông xảy ra vào ngày 05/4/2020 của Công an huyện T có sự mâu thuẫn.

[2.3] Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Đình X *(tài xế lái xe ô tô BKS 92C-060.xx)* khẳng định tại thời điểm xảy ra tai nạn, xe ô tô BKS 92C-060.xx vẫn hoạt động bình thường, hệ thống phanh vẫn tốt *(dừng đèn đỏ tại Nam Phước, Hà Lam, Trung tâm sát hạch vẫn bình thường)*. Đồng thời, bà Nguyễn Thị T và ông Trần Ngọc T là 02 công nhân bốc vác gạch cho Công ty Đ *(cùng ngồi trên xe)* cũng khẳng định trong quá trình di chuyển trước khi xảy ra tai nạn, khi qua các ngã ba, ngã tư thì xe ô tô BKS 92C-060.xx vẫn chạy bình thường, lái xe vẫn thắng *(phanh)* để dừng lại ở các ngã ba, ngã tư; khi xe chạy đến địa phận xã Bình A, huyện T, do phía trước có một xe ô tô thắng gấp khi qua đường và lái xe xử lý không kịp nên xảy ra tai nạn.

[2.4] Ngoài ra, tại bảng dự toán sửa chữa xe ô tô và bảng kê chi tiết sửa chữa xe ô tô do ông Bùi Văn M cung cấp, thể hiện nội dung các mục cần sửa chữa, thay thế có 27 mục nhưng không có sửa chữa, thay thế hệ thống phanh *(hãm)*. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông Bùi Văn M đều khai rằng, khi mang xe về garage để sửa chữa, ông M tiến hành tháo dỡ để kiểm tra thiết bị hư hỏng và các chi tiết cần sửa chữa *(trên cơ sở sự chứng kiến và thống nhất của đại diện Công ty B)* thì hệ thống phanh không bị hư hỏng nên không báo giá và sửa chữa hệ thống phanh. Hơn nữa, bảng dự toán sửa chữa xe ô tô ngày 14/5/2020 được đại diện Tổng Công ty Cổ phần B thừa nhận là đã được ông Bùi Văn M cung cấp và xác nhận đã kiểm tra toàn bộ bảng dự toán này nhưng không có ý kiến gì về các chi tiết phải thay thế, sửa chữa. Mặt khác, tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ

và Phiếu trả lời kết quả thẩm định của Công ty Cổ phần Đăng kiểm Q đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx, kết luận: phương tiện xe ô tô BKS 92C-060.xx có hệ thống phanh và động cơ đảm bảo an toàn kỹ thuật theo tiêu chuẩn hiện hành.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để khẳng định vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 05/4/2020 giữa xe ô tô BKS 92C-060.xx và xe ô tô BKS 30A-016.61 là do xe ô tô BKS 92C-060.xx có hệ thống hãm *(thắng)* không đảm bảo an toàn kỹ thuật. Do đó, việc Tổng Công ty Cổ phần B từ chối bồi thường thiệt hại vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx do thuộc điểm loại trừ bảo hiểm *(tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tai nạn, tổn thất xe ô tô không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật vào hoạt động trên đường bộ)* là không có cơ sở.

[2.6] Sau khi tai nạn xảy ra, Tổng Công ty Cổ phần B đã tham khảo giá sửa chữa và chọn Garage Văn M là nơi sửa chữa xe ô tô BKS 92C-060.xx. Tổng Công ty Cổ phần B cũng không có ý kiến gì đối với bảng kê chi tiết sửa chữa xe ô tô do ông Bùi Văn M cung cấp. Thực tế, ông Bùi Văn M đã sửa chữa xe ô tô với giá 100.000.000 đồng theo bảng kê chi tiết sửa chữa đã cung cấp cho Tổng Công ty Cổ phần B. Theo Quy tắc bảo hiểm ban hành kèm Quyết định số 2288/2018-BM/XCG ngày 06/12/2018 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B, tại mục 1.1, Điều 19 quy định như sau: *"Nếu xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc cao hơn giá thị trường của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm thì tính toán bồi thường trên cơ sở toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế"*. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận hợp đồng bảo hiểm đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx nếu được bồi thường thì thuộc trường hợp bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại vật chất cho nguyên đơn đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx với số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 500.000 đồng *(mức miễn thường có khấu trừ)* theo yêu cầu của bị đơn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường thiệt hại vật chất cho Công ty TNHH MTV Đ số tiền 99.500.000 đồng theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và phúc thẩm: do sửa bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại số tiền án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu; bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 3 Điều 298 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn về phần quyết định đình chỉ xét xử nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B, sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số: 21/2021/KDTM-ST ngày 03/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 40, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 13, 14, 15, 17, 18, 29, 46 và 47 của Luật Kinh doanh bảo hiểm; các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ đối với bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Buộc Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường tiền bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ số tiền 99.500.000 *(Chín mươi chín triệu năm trăm nghìn)* đồng.

Tổng Công ty Cổ phần B được nhận lại toàn bộ phụ tùng bị hư hỏng của xe ô tô BKS 92C-060.xx hiện nay đang được ông Bùi Văn M tạm giữ, sau khi thanh toán xong tiền bảo hiểm vật chất đối với xe ô tô BKS 92C-060.xx cho nguyên đơn.

Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu số tiền 4.975.000 *(Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 3.300.000 *(Ba triệu ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000808 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Chi phí tố tụng khác: Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Tổng Công ty Cổ phần B phải hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vật liệu xây dựng Đ số tiền 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B không phải chịu; hoàn trả lại cho Tổng Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 *(Hai triệu)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0009394 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án *(08/4/2022)*.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo